

Drag and Drop the Chinese characters to match the Pinyin and Read aloud.

累 床 快 早 晚 牙 別 洗 用 點

來
去
出
飯
玉
炒
餛

mò	chǎo	è	yù
fàn	kuài	yá	lèi
tāng	zǎo	bié	dàn
chuáng	wǎn	xǐ	miàn
chū	qù	xiān	zài
yòng	zuó	lái	lèi
			diǎn

末
蛋
麵
再
湯
先
昨